

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày: 14 – 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mươi

Ông Nguyễn Văn Chuẩn

Bà Lê Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luyến, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST - HS, ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1964 tại huyện C, tỉnh T; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Trương Thị C, sinh năm 1934 (đã chết); chồng tên: Trương Văn L, sinh năm 1963; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L: Luật sư Nguyễn Vĩnh Bình thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định. (có mặt)

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1954. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị L: có bà Võ Thị Nh, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2020 (có mặt).

2. Bà Trương Thị T, sinh năm 1957. Nơi cư trú: khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
3. Bà Trương Tuyết Dung, sinh năm 1978. Nơi cư trú: khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
4. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T (có mặt)
6. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: E5/15A, KP B, xã G, huyện T, tỉnh B (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
7. Bà Diệp Thị Tiền Nh, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)
8. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)
9. Bà Quách Thị Phương Th, sinh năm 1977. Nơi cư trú: khóm 4, TT. C, huyện C, tỉnh T
10. Bà Quách Thị Phương L, sinh năm 1979. Nơi cư trú: khóm E, TT.C, huyện C, tỉnh T
- Người đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị Phương Th, Quách Thị Phương L: bà Trương Thị T, sinh năm 1957. Nơi cư trú: khóm E, TT.C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
11. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
12. Bà Phạm Thị L A, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 485/9/1, TTH01, phường T, quận Q, thành phố H. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
13. Bà Lê Thị L, sinh năm 1950. Nơi cư trú: ấp N, xã Ti, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
14. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T
15. Ông Cao Hoàng V, sinh năm 1963, ngụ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)
16. Bà Lê Thị M, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
17. Ông Trịnh Văn Nh, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện D, tỉnh S
- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn Nh: bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện D, tỉnh S (có mặt)
18. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
19. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

20. Bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T. (có mặt)

21. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T (có mặt)

22. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

23. Bà Lê Thị B Ch, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

24. Phạm Thị D, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

25. Ông Nguyễn Khoa N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

26. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1951. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

27. Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

28. Bà Lê Thị B, sinh năm 1955. Nơi cư trú: ấp An Hòa, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

29. Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp Aa, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

30. Bà Trần Thị K, sinh năm 1956. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

31. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

32. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

33. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

34. Bà Võ Thị K, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp Gi, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị K: có ông Nguyễn Văn Đ. Nơi cư trú: ấp Gi, xã T, huyện C, tỉnh T (có mặt)

35. Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

36. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

37. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

38. Bà Trần Thị Đẹp, sinh năm 1976. Nơi cư trú: khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

39. Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

40. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện L, tỉnh S (vắng mặt)

41. Ông Trần Văn T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T: bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

42. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

43. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

44. Bà Nguyễn Hồng S, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

45. Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

46. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh T (có mặt)

47. Bà Cao Thị N, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

48. Bà Trương Thị Thu Th, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

49. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

50. Bà Thái Thị L, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

51. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

52. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

53. Bà Trần Thị K C, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

54. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

55. Bà Phan Thị S, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

56. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

57. Bà Trịnh Thị Th, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp cho bà Trịnh Thị Th: có anh Hồ Thanh T. Nơi cư trú, xã A, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền 12/8/2020 (có mặt)

58. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954. Nơi cư trú: số 37/14A5, KP5, P.T, quận G, TP M (vắng mặt)

59. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

60. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

61. Bà Đoàn Thanh L, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

62. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp Aa, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

63. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

64. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

65. Bà Lâm Thị Th, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp R, xã C, huyện C, tỉnh T (có mặt)

66. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

67. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

68. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1973. Nơi cư trú: khóm E, TT.C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

69. Bà Nguyễn Thị Nhã H, sinh năm 1993, ngụ Đ (vắng mặt)

70. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

71. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

72. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

73. Bà Trần Thị H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

74. Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp An Hòa, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, Trà Vinh (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Ông Trương Văn L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

2. Bà Lê Thanh Th, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
3. Bà Phan Thị H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
4. Bà Trịnh Thị Thùy D, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
6. Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1951. Nơi cư trú: An Trại, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
7. Bà Quách Thị A, sinh năm 1962. Nơi cư trú: khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
8. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2000, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L tổ chức mở nhiều dây hội tháng và quy định nhiều phần hội khác nhau để làm đầu thảo hội hưởng tiền huê hồng. Quá trình làm đầu thảo hội đến năm 2015, do bị cáo lấy tên hội viên hốt nhiều phần hội lấy tiền tiêu xài dẫn đến mất cân đối nên phải vay tiền bên ngoài. Để có tiền trả cho những dây hội đã mãn, trả nợ vay và tiêu xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định mở thêm nhiều dây hội rồi kê tên không và tự ý lấy tên hội viên tham gia chơi thật hốt để chiếm đoạt tiền của hội viên. Để thực hiện được ý định, từ tháng 11/2017 đến tháng 9/2018, bị cáo mở mới tổng cộng 29 dây hội tháng, mỗi dây hội dao động từ 14 phần đến 19 phần, hội 1.000.000 đồng quy định số tiền kêu cổ định là 250.000 đồng, số tiền đóng hội sống cố định 750.000 đồng; hội tháng 5.000.000 đồng quy định số tiền kêu cổ định là 1.250.000 đồng, số tiền đóng hội sống cố định 3.750.000 đồng.

Trong đó, có 24 dây hội bị cáo gian dối bằng cách kê tên không và tự ý lấy tên hội viên tham gia thật để hốt mà các hội viên không hề hay biết, gian dối để các hội viên đưa tiền đóng các phần hội ở những kỳ chưa mở nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Hàng tháng các hội viên bị lấy tên hốt hội vẫn đóng hội sống, còn bị cáo chỉ bù thêm số tiền kêu hội cố định để đóng hội chết nên các hội viên hoàn toàn không biết. Đến tháng 10 năm 2018, bị cáo không còn khả năng thanh toán tiền cho hội viên nên tuyên bố vỡ hội chiếm đoạt tiền của các hội viên cụ thể như sau:

1. Dây hội thứ 1: Loại hội tháng 5.000.000 đồng mở ngày 03/11/2017 (nhằm ngày 15/9/2017 âm lịch).

Trong dây hội này, có 12 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Quách Thị A 02 phần, Trương Thị T 02 phần,

Phạm Thị L 04 phần. Bị cáo kê khống tên “Liên” 01 phần hốt ở kỳ 1 được số tiền 60.000.000 đồng và tự ý lấy tên hội viên Phạm Thị L hốt 04 phần, ở các kỳ 3, 4, 5, 6 mỗi kỳ hốt được 60.000.000 đồng; lấy tên Trần Văn Th hốt 01 phần ở kỳ 7 được 60.000.000 đồng, lấy tên Nguyễn Thị Bé T hốt 01 phần ở kỳ 9 được 61.250.000 đồng, lấy tên Phạm Thị D hốt 01 phần ở kỳ 10 được 61.250.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo hốt hội được là 482.500.000 đồng, đóng tiền hội chết 10.000.000 đồng (phần hội khống) và bù tiền đóng hội chết 15.000.000 đồng (07 phần tự ý hốt), còn chiếm đoạt số tiền là 457.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hội kỳ 12 để các hội viên không có nhu cầu hốt hội (nuôi hội) tin tưởng giao tiền đóng hội kỳ thứ 12 cho bị cáo. Nhận tiền xong, bị cáo tuyên bố vỡ hội chiếm đoạt của Trần Thị L, Diệp Thị Tiên Nh, Trương Tuyên Dung, Nguyễn Thị Bé T, Phạm Thị D mỗi người 3.750.000 đồng, Trương Thị T 7.500.000 đồng (02 phần), Quách Thị A 8.750.000 đồng (01 phần hội sống, 01 phần hội chết), tổng cộng là 35.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt là 492.500.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 11 kỳ, có 03 phần hội hốt thật (bị cáo 01 phần) còn 14 phần hội sống đóng tổng số tiền 573.750.000 đồng.

2. Dây hội thứ 2: Loại hội tháng 5.000.000 đồng mở ngày 23/12/2017 (nhằm ngày 06/11/2017 âm lịch).

Trong dây hội này, có 12 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Trương Thị T 02 phần, Phạm Thị L 04 phần, Phạm Thị L Anh 02 phần. Bị cáo kê khống tên “Liên” 01 phần hốt ở kỳ 1 được số tiền 60.000.000 đồng và tự ý lấy tên hội viên Trần Thị Ch, Trần Thị L hốt của mỗi người 01 phần 60.000.000 đồng ở kỳ 3, 4, Phạm Thị L Anh 01 phần 60.000.000 đồng và 01 phần 62.500.000 đồng kỳ 5, 10, Trương Tuyết Dung và Lê Thị L mỗi người 01 phần 60.000.000 đồng ở kỳ 7, kỳ 8.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hội được là 425.000.000 đồng, bị cáo đóng tiền hội chết 10.000.000 đồng (phần hội khống) và bù tiền đóng hội chết 10.000.000 đồng (06 phần tự ý hốt), còn chiếm đoạt 405.000.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 10 kỳ, có 03 phần hội hốt thật (bị cáo 01 phần) còn 14 phần hội sống đóng tổng số tiền 525.000.000 đồng.

3. Dây hội thứ 3: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở cùng ngày 23/12/2017 (nhằm ngày 06/11/2017 âm lịch).

Trong dây hội này, có 14 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng bị cáo 02 phần, Lê Thanh Loan 02 phần. Bị cáo kê khống 01 phần tên “Lâm Hạnh” hốt kỳ 3 được 11.000.000 đồng, 01 phần khống tên “Liên” chưa hốt và tự ý lấy tên hội viên Nguyễn Văn B, Trần Thị Bé H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Lê Thị B Ch hốt của mỗi người 01 phần 11.000.000 đồng từ kỳ 6 đến kỳ 10.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hội là 66.000.000 đồng, bị cáo bù tiền đóng hội chết 3.000.000 đồng (05 phần tự ý hốt hội và hội khống), còn chiếm đoạt 63.000.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 10 kỳ, có 04 phần hội

hốt thật ở 04 kỳ (bị cáo 01 phần) còn 12 phần hội sống đóng tổng số tiền 90.000.000 đồng.

4. Dây hội thứ 4: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 23/12/2017 (nhằm ngày 06/11/2017 âm lịch).

Trong dây hội này, có 14 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, riêng bị cáo 02 phần, Lê Thanh Loan 02 phần. Bị cáo kê không 01 phần tên “Lâm Hạnh” hốt kỳ 3 được 11.000.000 đồng, 01 phần không tên “Liên” chưa hốt và tự ý lấy tên hội viên Nguyễn Văn B, Trần Thị Bé H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Lê Thị B Ch hốt của mỗi người 01 phần 11.000.000 đồng từ kỳ 6 đến kỳ 10.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hội là 66.000.000 đồng, bị cáo bù tiền đóng hội chết 3.000.000 đồng (05 phần tự ý hốt hội và hội không), còn chiếm đoạt 63.000.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 10 kỳ, có 04 phần hội hốt thật ở 04 kỳ (bị cáo 01 phần) còn 12 phần hội sống đóng tổng số tiền 90.000.000 đồng.

5. Dây hội thứ 5: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2018 (nhằm ngày 02/3/2018 âm lịch).

Trong dây hội này, có 15 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Nguyễn Khoa N 02 phần, Trịnh Văn D 02 phần. Bị cáo kê không 01 phần tên “Mai” hốt kỳ 1 được 12.000.000 đồng, tự ý lấy tên hội viên Cao Hoàng V, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q hốt của mỗi người 01 phần 13.250.000 đồng ở kỳ 5, 6, 7. Tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hội được là 51.750.000 đồng, bị cáo đóng hội chết 2.000.000 đồng (phần hội không), còn chiếm đoạt 49.750.000 đồng

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hội kỳ 8 để các hội viên không có nhu cầu hốt hội (nuôi hội) tin tưởng giao trước tiền đóng hội kỳ thứ 8 cho bị cáo. Sau đó bị cáo không khai hội mà tuyên bố vỡ chiếm đoạt của Lê Thị M, Lê Thị Thủy, Nguyễn Thị H, Phạm Thị D, Phạm Thị Th, Trịnh Văn S, Lê Thị B, Cao Hoàng V, Nguyễn Thị L mỗi người 750.000đ; Nguyễn Khoa N, Trịnh Văn D, mỗi người (02 phần) 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn Q 1.500.000 đồng (01 phần 02 kỳ), Phan Thị H 1.000.000 đồng (hội chết), Phạm Hữu Hiền 11.000.000 đồng (Hội chết từ kỳ 8 đến kỳ 18), tổng cộng 23.250.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hội, thu tiền hội chiếm đoạt của các hội viên là 73.000.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 7 kỳ, có 03 phần hội hốt thật ở kỳ 2, 3, 4 (bị cáo 01 phần) còn 14 phần hội sống đóng tổng số tiền 84.750.000 đồng.

6. Dây hội thứ 6: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 02/3/2018 (nhằm ngày 15/01/2018 âm lịch).

Trong dây hội này, có 15 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Trịnh Văn D 02 phần. Bị cáo kê không 01 phần tên “Mai” và tên “Liên” hốt kỳ 1, kỳ 5 mỗi phần hốt được 11.250.000 đồng, tự ý lấy tên Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị L, Phạm Thị D hốt của mỗi

người 01 phần 11.250.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hụi được là 57.250.000 đồng, bị cáo đóng tiền hụi chết là 1.000.000 đồng và hụi sống 750.000 đồng (phần hụi không), còn chiếm đoạt 55.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hụi kỳ 8 để các hụi viên không có nhu cầu hốt hụi (nuôi hụi) tin tưởng giao trước tiền đóng hụi kỳ thứ 8 cho bị cáo. Sau đó bị cáo không khai hụi mà tuyên bố võ chiếm đoạt của Lê Thị M, Lê Thị Thủy, Nguyễn Thị H, Phan Thị H, Nguyễn Khoa N, Trần Thị Đ, Phạm Thị Th, Trịnh Văn S, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị L, Phạm Thị D mỗi người 750.000 đồng; Nguyễn Văn Q, Trịnh Văn Dũng, mỗi người 1.500.000 đồng; Phạm Hữu Hiền 11.000.000 đồng (Hụi chết từ kỳ 8 đến kỳ 18). Tổng cộng 22.250.000 đồng

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hụi viên là 77.750.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 7 kỳ, có 02 phần hụi hốt thật ở kỳ 2, 3 (có 01 phần hụi của bị cáo) còn 14 phần hụi sống đóng tổng số tiền 84.750.000 đồng.

7. Dây hụi thứ 7: Loại hụi tháng 5.000.000 đồng mở ngày 02/3/2018 (nhằm ngày 15/01/2018 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 13 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Trương Thị T 02 phần, Phạm Thị L 02 phần, Phạm Thị L Anh 02 phần. Bị cáo kê không tên “Liên” 01 phần hốt kỳ 2 được số tiền 56.250.000 đồng, kê không tên “Thị” 01 phần hốt kỳ 3 được số tiền 56.250.000 đồng, tự ý lấy tên Trương Tuyết Dung, Trần Thị L hốt của mỗi người 01 phần 56.250.000 đồng ở kỳ 4, 5, Phạm Thị L Anh 02 phần hốt kỳ 6, 7, mỗi phần 56.250.000 đồng. Trong dây hụi này, bị cáo hốt thật 01 phần ở kỳ 1, do không có hụi viên khác hốt hụi nên tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 337.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hụi kỳ 8 để các hụi viên không có nhu cầu hốt hụi (nuôi hụi) tin tưởng giao trước tiền đóng hụi kỳ thứ 8 cho bị cáo. Sau đó bị cáo không khai hụi mà tuyên bố võ chiếm đoạt của Nguyễn Thị D, Võ Thị K, Huỳnh Thị Kim A, Cao Hoàng V, Quách Thị Phương Th, Quách Thị Phương L, Trương Tuyên Dung, Trần Thị L mỗi người 3.750.000 đồng; Trương Thị T, Phạm Thị L Anh mỗi người 7.500.000 đồng. Tổng cộng 45.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hụi, thu tiền hụi chiếm đoạt của các hụi viên là 382.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 7 kỳ, có 01 phần hụi hốt thật của bị cáo, còn 15 phần hụi sống đóng tổng số tiền 438.750.000 đồng.

8. Dây hụi thứ 8: Loại hụi tháng 5.000.000 đồng mở ngày 26/3/2018 (nhằm ngày 10/02/2018 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Trương Thị T 02 phần, Nguyễn Thị L 02 phần, Quách Thị Phương L 02 phần. Bị cáo tự ý lấy tên Nguyễn Thị L, Quách Thị

Phương L, Phạm Thị L Anh hót của mỗi người 01 phần 63.500.000 đồng ở kỳ 2, 3; lấy Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị Đẹp, Phạm Thị L Anh hót của mỗi người 01 phần 65.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hót hụi là 322.500.000 đồng, bị cáo đóng tiền hụi chết là 2.500.000đ (02 phần tự ý hót hụi), còn chiếm đoạt 320.000.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 7 kỳ, có 02 phần hụi hót thật (01 phần của bị cáo), còn 16 phần hụi sống đóng tổng số tiền 420.000.000 đồng.

9. Dây hụi thứ 9: Loại hụi tháng 5.000.000 đồng mở ngày 26/3/2018 (nhằm ngày 10/02/2018 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Quách Thị Phương L, Trương Thị T 02 phần. Bị cáo kê khống 01 phần hụi tên “Lan” hót kỳ 2 được 60.000.000 đồng, tự ý lấy tên Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Bé T, Trần Thị Đẹp, Phạm Thị L Anh hót của mỗi người 01 phần 60.000.000 đồng ở kỳ 3 đến kỳ 7.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hót hụi chiếm đoạt của các hụi viên là 360.000.000 đồng, đến khi vỡ hụi đã khai được 7 kỳ, có 01 phần hụi hót thật của bị cáo, còn 16 phần hụi sống đóng tổng số tiền 420.000.000 đồng.

10. Dây hụi thứ 10: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 25/4/2018 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Quách Thị Phương L 02 phần, Trương Thị T 03 phần. Bị cáo tự ý lấy tên Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Hồng Đ hót hụi của mỗi người 01 phần 12.750.000 đồng, lấy tên Phan Thị H hót 01 phần 12.000.000 đồng, tổng cộng là 37.500.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hụi viên là 37.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 4 kỳ, có 01 phần hụi của bị cáo hót thật ở kỳ 1, còn 17 phần hụi sống đóng tổng số tiền 50.250.000 đồng.

11. Dây hụi thứ 11: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 25/4/2018 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo) mỗi người một phần, riêng Quách Thị Phương L 02 phần, Trương Thị T 03 phần. Bị cáo tự ý lấy tên Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Hồng Đ hót hụi của mỗi người 01 phần 12.750.000 đồng, lấy tên Phan Thị H hót 01 phần 12.000.000 đồng, tổng cộng là 37.500.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hụi viên là 37.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 4 kỳ, có 01 phần hụi của bị cáo hót thật ở kỳ 1, còn 17 phần hụi sống đóng tổng số tiền 50.250.000 đồng.

12. Dây hụi thứ 12: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 25/4/2018 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo) mỗi người một phần, riêng Quách Thị Phương L 02 phần, Trương Thị T 03 phần. Bị cáo tự ý

lấy tên Nguyễn Thanh T, Trương Thị Thu Th hốt hui của mỗi người 01 phần 12.750.000 đồng, lấy tên Nguyễn Thị L hốt 01 phần 12.000.000 đồng, tổng cộng là 37.500.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hui viên là 37.500.000 đồng. Đến khi vỡ hui đã khai được 4 kỳ, có 01 phần hui của bị cáo hốt thật ở kỳ 1, còn 17 phần hui sống đóng tổng số tiền 50.250.000 đồng.

13. Dây hui thứ 13: Loại hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 25/4/2018 âm lịch).

Trong dây hui này, có 15 hui viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Quách Thị Phương L 02 phần, Trương Thị T 03 phần. Bị cáo tự ý lấy tên Nguyễn Thanh T, Thái Thị L hốt hui của mỗi người 01 phần 12.750.000 đồng, lấy tên Nguyễn Thị L hốt 01 phần 12.000.000 đồng, tổng cộng là 37.500.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hui viên là 37.500.000 đồng. Đến khi vỡ hui đã khai được 4 kỳ, có 01 phần hui của bị cáo hốt thật ở kỳ 1, còn 17 phần hui sống đóng tổng số tiền 50.250.000 đồng.

14. Dây hui thứ 14: Loại hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 24/4/2018 âm lịch).

Trong dây hui này, có 15 hui viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Quách Thị Phương L 02 phần, Trương Thị T 03 phần. Bị cáo kê khống 01 phần tên “Hên” nhưng chưa hốt, tự ý lấy tên Nguyễn Thanh T, Thái Thị L, Trương Thị Thu Th hốt của mỗi người 01 phần 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 36.000.000 đồng,

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hui viên là 36.000.000 đồng. Đến khi vỡ hui đã khai được 4 kỳ, có 01 phần hui của bị cáo hốt thật còn 16 phần hui sống đóng tổng số tiền 48.000.000 đồng.

15. Dây hui thứ 15: Loại hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 14/7/2018 (nhằm ngày 02/6/2018 âm lịch).

Trong dây hui này, có 14 hui viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Nguyễn Thị Bé T 02 phần, Trần Văn Th 03 phần. Bị cáo kê khống 01 phần tên “An Tụ” hốt ở kỳ 3 được số tiền 12.000.000 đồng, tự ý lấy tên Phạm Thị Th hốt 01 phần được 12.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt tiền hui là 24.000.000 đồng. Đến khi vỡ hui đã khai được 3 kỳ, có 02 phần hui hốt thật, 01 phần hui khống, còn 15 phần hui sống đóng tổng số tiền 33.750.000 đồng.

16. Dây hui thứ 16: Loại hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 14/7/2018 (nhằm ngày 02/6/2018 âm lịch).

Trong dây hui này, có 14 hui viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Nguyễn Thị Bé T 02 phần, Trần Văn Th 03 phần. Bị cáo kê khống 01 phần tên “An Tụ” hốt ở kỳ 3 được số tiền 12.000.000 đồng, tự ý lấy tên Phạm Thị Th hốt 01 phần được 12.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của hội viên là 24.000.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 3 kỳ, có 02 phần hội hốt thật, 01 phần hội không, còn 15 phần hội sống đóng tổng số tiền 33.750.000 đồng.

17. Dây hội thứ 17: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 14/7/2018 (nhằm ngày 02/6/2018 âm lịch).

Trong dây hội này, có 13 hội viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Nguyễn Thị Bé T 02 phần, Trần Văn Th 03 phần. Bị cáo kê không 01 phần tên “Liên” hốt ở kỳ 3 được số tiền 11.250.000 đồng, một tên không tên Thu Tâm chưa hốt, tự ý lấy tên Phạm Thị Th hốt 01 phần được 11.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt tiền hội là 22.500.000 đồng. Đến khi vỡ hội đã khai được 3 kỳ, có 02 phần hội hốt thật, 01 phần hội không, còn 15 phần hội sống đóng tổng số tiền 33.750.000 đồng.

18. Dây hội thứ 18: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 22/7/2018 (nhằm ngày 10/6/2018 âm lịch).

Trong dây hội này, có 12 hội viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 16 phần, mỗi người một phần. Bị cáo kê không 01 phần tên “An” hốt ở kỳ 2 được số tiền 8.250.000 đồng, 01 phần tên “Liên” hốt ở kỳ 3 được số tiền 7.500.000 đồng và 02 phần không tên “anh Quý”, “Chú Vũ” chưa hốt.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của hội là 15.750.000 đồng, đến khi vỡ hội đã khai được 3 kỳ, có 01 phần bị cáo hốt thật, còn 11 phần hội sống đóng tổng số tiền 24.000.000 đồng.

19. Dây hội thứ 19: Loại hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 22/7/2018 (nhằm ngày 10/6/2018 âm lịch).

Trong dây hội này, có 11 hội viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 16 phần, mỗi người một phần. Bị cáo kê không 01 phần tên “An” hốt ở kỳ 2 được số tiền 7.500.000 đồng, 01 phần tên “Liên” hốt ở kỳ 3 được số tiền 6.750.000 đồng và 03 phần không tên “anh Quý”, “Chú Vũ”, “Tâm” chưa hốt.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của hội là 14.250.000 đồng, đến khi vỡ hội đã khai được 3 kỳ, có 01 phần bị cáo hốt thật, còn 10 phần hội sống đóng tổng số tiền 21.750.000 đồng.

20. Dây hội thứ 20: Loại hội tháng 5.000.000 đồng mở ngày 04/8/2017 (nhằm ngày 20/6/2017 âm lịch).

Trong dây hội này, có 13 hội viên tham gia (kể cả bị cáo), tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Nguyễn Thị Thu Tâm, Quách Thị á, Trần Thị L mỗi người 02 phần, Trương Thị T 03 phần. Bị cáo kê không 01 phần hội tên “Lan” hốt kỳ 1 được 63.750.000 đồng, tự ý lấy tên Trần Thị L hốt 01 phần kỳ 3 được 63.750.000 đồng, 01 phần kỳ 5 được 65.000.000; lấy tên Trần Văn Th hốt kỳ 6 được 65.000.000 đồng, Trần Thị Th và Nguyễn Thị Mỹ H hốt của mỗi người 01 phần với số tiền 66.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo gian dối hốt hụi của các hụi viên 390.000.000 đồng, bị cáo đóng tiền hụi chết 35.000.000 đồng (phần hụi khổng) và bù tiền đóng hụi chết 36.250.000đ (05 phần tự ý hốt hụi), còn chiếm đoạt 318.750.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hụi kỳ 15 để các hụi viên không có nhu cầu hốt hụi (nuôi hụi) tin tưởng giao trước tiền đóng hụi kỳ thứ 15 cho bị cáo. Sau đó bị cáo không khai hụi mà tuyên bố vỡ chiếm đoạt của Trần Thị Th và Nguyễn Thị Mỹ H mỗi người 3.750.000 đồng, Quách Thị A 10.000.000 đồng (02 phần hụi chết) tổng cộng là 17.500.000 đồng

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt chiếm đoạt của các hụi viên là 326.250.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 14 kỳ, có 08 phần hụi hốt thật (có 01 phần của bị cáo), còn 09 phần hụi sống đóng tổng số tiền 525.000.000 đồng.

21. Dây hụi thứ 21: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 24/7/2017 (nhằm ngày 02/6/2017 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 14 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Trần Thị Bé H 02 phần, Quách Thị A 04 phần. Bị cáo tự ý lấy tên Đoàn Thanh L hốt 12.750.000 ở kỳ 1, Nguyễn Thị Th hốt 13.000.000 đồng kỳ 3, Nguyễn Thị L hốt 13.500.000 đồng, Trần Thị H, Lê Thị M, Trần Thị Bé H của mỗi người 01 phần 13.750.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối tự ý hốt hụi của các hụi viên là 80.500.000 đồng, bị cáo choàng tiền đóng hụi chết 8.000.000 đồng (06 phần tự ý hốt hụi), còn chiếm đoạt 72.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 15 kỳ, có 09 phần hụi hốt thật, còn 09 phần hụi sống đóng tổng số tiền 101.250.000 đồng.

22. Dây hụi thứ 22: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 24/7/2017 (nhằm ngày 02/6/2017 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 13 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Trần Thị Bé H 02 phần, Quách Thị A 04 phần. Bị cáo kê khổng phần trên “Mơ” hốt kỳ 4 được 12.250.000 đồng, tự ý lấy tên Đoàn Thanh L hốt 01 phần 12.000.000 kỳ 1, Nguyễn Thị Th hốt 12.250.000 đồng kỳ 3, Nguyễn Thị L hốt 12.500.000 đồng, Phạm Thị Nh, Trịnh Văn Nh, Trần Thị Bé H của mỗi người 01 phần 12.750.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối kê khổng và tự ý hốt hụi của các hụi viên là 87.250.000 đồng, bị cáo choàng tiền đóng hụi chết 6.750.000 đồng (phần hụi khổng) và choàng tiền đóng hụi chết 7.500.000đ (06 phần tự ý hốt hụi), còn chiếm đoạt 73.000.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 15 kỳ, có 08 phần hụi hốt thật, còn 09 phần hụi sống đóng tổng số tiền 101.250.000 đồng.

23. Dây hụi thứ 23: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 09/10/2017 (nhằm ngày 20/8/2017 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 14 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Phạm Thị Nhung 02 phần, Lê Thị Y 04 phần, Trần Thị Ngọc V 02 phần. Bị cáo kê khống phần trên “ Liền” hốt kỳ 2 được 12.250.000 đồng, tự ý lấy tên Trần Thị Ngọc V hốt 01 phần 13.250.000 đồng kỳ 8, Lê Thị Y hốt 01 phần 13.250.000 đồng kỳ 9, Lâm Thị Th hốt 01 phần 13.250.000 đồng kỳ 10. Tổng số tiền bị cáo gian dối kê khống và tự ý hốt hụi của các hụi viên là 52.000.000 đồng, bị cáo đóng hụi chết 6.750.000đ (phần hụi khống) và bù tiền đóng hụi chết 1.500.000đ (03 phần tự ý hốt hụi), còn chiếm đoạt 43.750.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hụi kỳ 13 để các hụi viên không có nhu cầu hốt hụi (nuôi hụi) tin tưởng giao trước tiền đóng hụi kỳ thứ 13 cho bị cáo. Sau đó bị cáo không khai hụi mà tuyên bố vỡ chiếm đoạt của Trần Thị K, Nguyễn Thanh T, Lâm Thị Th mỗi người một phần 750.000 đồng, Lê Thị Y 02 phần là 1.500.000 đồng, tổng cộng 3.750.000 đồng

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối hốt chiếm đoạt của các hụi viên là 47.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 12 kỳ, có 08 phần hụi hốt thật, còn 09 phần hụi sống đóng tổng số tiền 84.750.000 đồng.

24. Dây hụi thứ 24: Loại hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 09/10/2017 (nhằm ngày 20/8/2017 âm lịch).

Trong dây hụi này, có 15 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo) tổng cộng 18 phần, mỗi người một phần, riêng Phạm Thị Nhung 02 phần. Bị cáo kê khống phần trên “ Liền” hốt kỳ 2 được 11.500.000 đồng, tên “ Lan” hốt kỳ 9 được 12.500.000 đồng, tự ý lấy tên Trần Thị Ngọc V, Lâm Thị Th hốt của mỗi người 01 phần 12.500.000 đồng kỳ 8 và 10, Phạm Thị Nh 01 phần 12.750.000 đồng kỳ 12. Tổng số tiền bị cáo gian dối kê khống và tự ý hốt hụi của các hụi viên là 61.750.000 đồng, bị cáo đóng hụi chết 10.500.000đ (02 phần hụi khống) và bù tiền đóng hụi chết 500.000 đồng (02 phần tự ý hốt hụi), còn chiếm đoạt số tiền là 50.750.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn nói dối sẽ tiếp tục khai hụi kỳ 13 để các hụi viên không có nhu cầu hốt hụi (nuôi hụi) tin tưởng giao trước tiền đóng hụi kỳ thứ 13 cho bị cáo. Sau đó bị cáo không khai hụi mà tuyên bố vỡ chiếm đoạt của Lê Thị Y, Trần Thị K, Nguyễn Thanh T, Lê Thị M, Lâm Thị Th mỗi người một phần 750.000 đồng, tổng cộng 3.750.000 đồng

Như vậy tổng số tiền bị cáo gian dối chiếm đoạt của các hụi viên là 54.500.000 đồng. Đến khi vỡ hụi đã khai được 12 kỳ, có 07 phần hụi hốt thật, còn 09 phần hụi sống đóng tổng số tiền 57.000.000 đồng.

25. Dây 25, 26, 27, 28, 29: Đây là loại hụi tháng 1.000.000 đồng, cùng mở ngày 11/9/2018 (nhằm ngày 02/8/2018 âm lịch).

Trong các dây hụi này, có từ 09 đến 10 hụi viên tham gia (kể cả bị cáo), mỗi dây hụi bị cáo quy định có 14 phần. Bị cáo kê khống tổng cộng 11 phần gồm tên “ Hạnh Dứt, Vợ Lung, Mai, Vợ Tân” nhưng chưa hốt hụi. Đến khi vỡ hụi, mỗi dây hụi đã khai được kỳ 01, bị cáo hốt thật nên không có chiếm đoạt .

Trong 05 dây hui này, bị cáo có hành vi gian dối với Trần Thị Th nói sẽ tiếp tục khai hui kỳ 02 nên bà Thơ tin tưởng đưa tiền cho bị cáo đóng hui kỳ thứ 02 của cả 05 dây hui dùm nhưng bị cáo không khai hui mà tuyên bố vỡ chiếm đoạt của bà Trần Thị Th tổng số tiền là 3.750.000 đồng.

Như vậy từ tháng 11/2017 đến tháng 9/2018, bị cáo mở 29 dây hui, trong đó có 05 dây có kê 11 tên không nhưng chưa hót hui nên bị cáo không có chiếm đoạt. Còn lại 24 dây hui, bị cáo đã gian dối kê tên không 42 phần đã hót 22 phần, tự ý lấy hui viên hót 84 phần. Tổng cộng bị can hót 106 phần với số tiền là 3.126.500.000 đồng, bị cáo bù tiền đóng những phần hui tự hót và đóng lại hui chết đến khi vỡ hui là 170.000.000 đồng, hui viên còn nợ hui chết là 409.000.000 đồng, hui viên đã bỏ địa phương cơ quan điều tra không làm việc được với số tiền là 65.473.000 đồng, còn chiếm đoạt 2.482.027.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo gian dối nói với 35 hui viên sẽ tiếp tục khai hui kỳ tới để các hui viên không có nhu cầu hót hui tin tưởng đưa tiền đóng hui sống và chết trước cho bị cáo 154.250.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt là 116.250.000 đồng tiền hui sống, còn 38.000.000 đồng hui chết là giao dịch dân sự.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L gian dối chiếm đoạt tiền hui của các hui viên là 2.598.277.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Đối với Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Thu Tâm, Trần Thị Bé H, Trần Văn T, Phạm Thị V, Nguyễn Văn Q, Phan Thị H, Phan Thị S, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Nhã H, Nguyễn Thị L, Phạm Thị Thùy D, Nguyễn Văn Ph, Trần Thị H, Lê Thị B Tám, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Lành. Hiện nay đã bỏ địa phương đi không xác định được địa chỉ nên Cơ quan điều tra không mời làm việc được.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L còn vay mượn và nợ tiền hui của một số người gồm: Phạm Thị D số tiền 52.500.000.000 đồng (tiền vay: 20.000.000đ, tiền nợ hui: 32.500.000đ), Võ Thị Nh số tiền 117.000.000 đồng (tiền nợ hui), Nguyễn Thị L số tiền 45.000.000 đồng (tiền vay: 32.000.000đ, tiền nợ hui: 13.000.000 đồng), Trương Tuyết Dung số tiền 10.000.000 đồng (tiền nợ hui), Nguyễn Văn Ph số tiền 5.000.000 đồng (tiền nợ hui), Phạm Thị Nh số tiền 13.500.000 đồng (tiền vay: 10.000.000 đồng, tiền nợ hui: 3.500.000 đồng) Nguyễn Thị D số tiền 40.000.000 đồng (tiền nợ hui) với tổng số tiền 283.000.000 đồng. Mục đích vay để đóng hui sống và hui chết cho những phần bị can tham gia chơi thật, tiêu xài cá nhân và trả lãi cho những khoảng vay trước đó. Đây là giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L thống nhất với nội dung bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Từ năm 2000 bị cáo bắt đầu trực tiếp đứng ra làm chủ hui (đầu

thảo hui), nhưng do bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay và tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hui viên bằng cách mở thêm nhiều dây hui rồi kê tên không và tự ý lấy tên hui viên tham gia chơi thật hốt để chiếm đoạt tiền của hui viên mà các hui viên tham gia không hay biết gì. Đến tháng 10 năm 2018, bị cáo không còn khả năng thanh toán tiền cho hui viên nên tuyên bố vỡ hui. Bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền 2.598.277.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) như kết quả của cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã thể hiện bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L đã có hành vi gian dối như bằng hình thức lợi dụng việc bị cáo làm đầu thảo hui, các hui viên khi tham gia chơi hui tin tưởng bị cáo, không lấy danh sách hui viên, không trực tiếp đến khai hui, không kiểm tra tổng số hui viên tham gia trong dây hui, thành viên tham gia chơi hui nên bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối là và tự ý lấy tên hui viên tham gia chơi thật hốt để chiếm đoạt tiền của hui viên để có tiền trả tiền vay, tiêu xài cá nhân với số tiền 2.598.277.000 đồng và hậu quả đã xảy ra, đủ căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 06/6/2019

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại có yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt.

Đối với các bị hại bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị L A, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Tr, Phạm Thị Th, bà Nguyễn Hồng S không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các bị hại gồm: Phan Thị S, Phạm Thị V, Trần Thị H, Nguyễn Thị K, Phạm Thị Thùy D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Nhã H hiện nay bỏ địa phương không rõ địa chỉ cụ thể nên đề nghị sẽ dành một vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Đối với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả sẽ tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L cho rằng: Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chủ động tác động gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh để khắc phục 01 phần hậu quả cho các bị hại số tiền là 5.000.000đ; Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất của Vị kiểm sát viên đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất với đề nghị của Vị kiểm sát viên

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo, các bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L: Bị cáo biết ăn năn hối lỗi, bị cáo xin lỗi các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do nhưng quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ lời khai, yêu cầu của những người này và xét thấy việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận do bị cáo bị mất cân đối trong việc trả tiền cho các dây hui đã mất, thanh toán tiền nợ vay, tiêu xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hui viên bằng cách mở các dây hui mới, do các hui viên tin tưởng, thường hay không tham gia khai hui nên bị cáo kê tên không vào các dây hui để hốt và tự ý lấy tên hui viên chơi thật để hốt. Đến tháng 10 năm 2018, bị cáo không còn khả năng thanh toán cho các hui viên nên tuyên bố vỡ hui, số tiền bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của các bị hại là 2.598.277.000 đồng (Hai tỷ năm trăm chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với

các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về hình phạt và tội danh.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự.

Với tuổi đời của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền để trả các khoản nợ vay, trả tiền các dây hụi đã mãn và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng việc mình làm đầu thảo hụi và các hụi viên tham gia chơi hụi tin tưởng vào bị cáo, ít đi khui hụi nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không tham gia nhiều dây hụi để hốt hụi nhằm chiếm đoạt tài sản của các hụi viên. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện trong một khoảng thời gian dài. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[3] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức lợi dụng việc tham gia hụi để chiếm dụng vốn trong những năm gần đây tại địa bàn tỉnh Trà Vinh liên tục tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng nhiều, việc bề hụi làm cho các hụi viên mất tiền, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế tại các địa phương, trong đó có hành vi phạm tội của bị cáo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để xem xét toàn diện, khách quan khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự là phạm tội nhiều lần. Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục 01 phần nhỏ hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.000.000đ; có nhiều bị hại vắng mặt tại phiên tòa làm đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại có yêu cầu số tiền 2.343.340.368 đồng

Đối với các bị hại bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị L Anh, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Tr, Phạm Thị Th, bà Nguyễn Hồng S không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các bị hại gồm: Phan Thị S, Phạm Thị V, Trần Thị H, Nguyễn Thị K, Phạm Thị Thùy D, Nguyễn Thị Nhã H, Nguyễn Thị L hiện nay bỏ địa phương không rõ địa chỉ cụ thể nên sẽ dành một vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Đối với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả tại biên lai thu tiền số 0000548 ngày 14/02/2020 do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh thu sẽ tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và người bào chữa là phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2019

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và các bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho 61 bị hại tổng số tiền 2.343.340.368đ (Hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) cụ thể gồm:

1. Trần Thị L số tiền 177.857.143đ

2. Trương Thị T số tiền 421.255.052đ
3. Trương Tuyết Dung số tiền 181.732.143đ
4. Trần Văn Th số tiền 106.982.143đ;
5. Nguyễn Thị Bé T số tiền 87.928.571đ;
6. Diệp Thị Tiền Nh số tiền 40.928.571đ;
7. Phạm Thị D số tiền 60.928.571đ;
8. Quách Thị Phương Th 97.678.571đ;
9. Quách Thị Phương L 162.678.571đ;
10. Trần Thị Ch số tiền 28.928.571đ;
11. Lê Thị L số tiền 28.928.571đ;
12. Nguyễn Thị Tr số tiền 10.500.000đ;
13. Cao Hoàng V số tiền 63.553.571đ;
14. Lê Thị M số tiền 33.212.302đ;
15. Trịnh Văn Nh số tiền 26.666.667đ;
16. Lâm Thị B số tiền 10.500.000đ;
17. Nguyễn Văn B số tiền 44.250.000đ;
18. Trần Thị Bé H số tiền 20.666.667 đ
19. Nguyễn Thị L số tiền 62.684.524đ;
20. Nguyễn Thị H số tiền 24.017.857đ;
21. Lê Thị B Ch số tiền 10.500.000đ;
22. Phạm Thị D số tiền 18.017.857đ;
23. Nguyễn Khoa N số tiền 16.321.429đ;
24. Phạm Thị Th số tiền 12.017.857đ;
25. Trịnh Văn S số tiền 9.017.857đ;
26. Lê Thị B số tiền 4.303.571đ;
27. Trịnh Văn D số tiền 21.035.714đ;
28. Trần Thị K số tiền 12.000.000đ;
29. Trần Thị Đ số tiền 6.964.286đ;
30. Nguyễn Thị Nh số tiền 4.714.286đ;
31. Nguyễn Thị D số tiền 26.250.000đ;
32. Võ Thị K số tiền 14.250.000đ;
33. Võ Thị Nh số tiền 48.500.000đ;
34. Nguyễn Thị L số tiền 26.750.000đ;

35. Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 60.125.000đ;
36. Trần Thị Đẹp số tiền 74.375.000đ;
37. Nguyễn Thị Út N số tiền 10.500.000đ;
38. Nguyễn Thị Ng số tiền 22.500.000đ;
39. Trần Văn T số tiền 9.000.000đ;
40. Nguyễn Thị Nh số tiền 4.500.000đ;
41. Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền 4.500.000đ;
42. Trần Thị Ngọc V số tiền 24.361.111đ;
43. Nguyễn Thanh T số tiền 23.250.000đ;
44. Cao Thị N số tiền 4.500.000đ;
45. Trương Thị Thu Th số tiền 4.500.000đ;
46. Trần Thị Nh số tiền 2.250.000đ;
47. Thái Thị L số tiền 4.500.000đ;
48. Phạm Thị Nh số tiền 16.000.000đ;
49. Nguyễn Thị Đ số tiền 4.500.000đ;
50. Trần Thị K C số tiền 3.000.000đ;
51. Nguyễn Văn N số tiền 3.000.000đ;
52. Nguyễn Văn Ph số tiền 3.000.000đ;
53. Trịnh Thị Th số tiền 6.361.111đ;
54. Nguyễn Thị L số tiền 19.166.667đ;
55. Nguyễn Thị Kim X số tiền 5.111.111đ;
56. Đoàn Thanh L số tiền 16.166.667đ;
57. Nguyễn Thị Th số tiền 16.166.667đ;
58. Nguyễn Thị N số tiền 10.500.000đ;
59. Lê Thị Y số tiền 17.611.111đ;
60. Lâm Thị Th số tiền 12.000.000đ;
61. Trần Thị Th số tiền 39.375.000đ

Đối với các bị hại bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị L Anh, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Tr, Phạm Thị Th, bà Nguyễn Hồng S không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các bị hại gồm: Phan Thị S, Phạm Thị V, Trần Thị H, Nguyễn Thị K, Phạm Thị Thùy D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Nhã H hiện nay bỏ địa phương không rõ địa chỉ cụ thể nên sẽ dành một vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả tại biên lai thu tiền số 000548 ngày 14/02/2020 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 78.866.807đ (Bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm lẻ bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA huyện C;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành

